

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA
THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 68/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 26 -5-2025

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT - TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên và ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 762/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “ly hôn và nuôi con chung”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2025/QĐST- HNGĐ ngày 07/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Y – Sinh năm: 1983; Trú tại: Thôn C, xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Kim N – Sinh năm: 1980; Trú tại: Thôn C, xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị Y trình bày: Tôi và ông Nguyễn Kim N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/10/2004 (Số: 59/2004 ngày 15/10/2004).

Sau thời gian chung sống chúng tôi đã có nhiều mâu thuẫn, bạn bè và gia đình có hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung là: 1. Nguyễn Quốc Đ, Sinh ngày: 15/09/2004; Nguyễn Quốc K, Sinh ngày: 15/11/2006; và Nguyễn Quốc B, Sinh ngày: 18/06/2021; Từ khi vợ chồng sống ly thân vào năm 2022 các con chung đang do ông N trực tiếp nuôi dưỡng, ông N làm nghề tự do, chung sống cùng với ông bà nội, ông N thường xuyên bạo lực không cho tôi về thăm nuôi con nên tôi đồng ý để cháu B cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn ông Nguyễn Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hoà giải được ghi nhận ý kiến của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng*: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại điều 70, điều 71 BLTTDS; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 BLTTDS.

- *Về nội dung*: Đề nghị căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Y.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Y được ly hôn ông Nguyễn Kim N.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc B, Sinh ngày: 18/06/2021 cho ông Nguyễn Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Mai Thị Y được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Đối với các con chung là Nguyễn Quốc Đ, Sinh ngày: 15/09/2004; Nguyễn Quốc K, Sinh ngày: 15/11/2006 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết;

Về tài sản chung: Bà Mai Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Nguyễn Kim N cư trú tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Mai Thị Y xin ly hôn ông Nguyễn Kim N. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Y, ông N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/10/2004 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; Nguyên đơn bà Y xác định quá trình chung sống được một thời gian ngắn vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, bạn bè và gia đình có hoà giải nhiều lần nhưng không thành nên bà Y đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng, từ chối làm việc với Tòa án để trình bày quan điểm cũng như hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng bà Y, ông N có xảy ra mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không rõ, bà Y thì đi làm ăn xa từ năm 2017 thỉnh thoảng mới về địa phương;

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà Y, ông N đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Kim N của bà Mai Thị Y là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Mai Thị Y và ông Nguyễn Kim N có 03 con chung là Nguyễn Quốc Đ, Sinh ngày: 15/09/2004; Nguyễn Quốc K, Sinh ngày: 15/11/2006; và Nguyễn Quốc B, Sinh ngày: 18/06/2021, cháu B đang do ông N trực tiếp nuôi dưỡng, các con chung Nguyễn Quốc Đ, Sinh ngày: 15/09/2004; Nguyễn Quốc K, Sinh ngày: 15/11/2006 đã trưởng thành nên bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết;

HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng bà Y ông N sống ly thân, ông N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu B còn bà Y thì đi làm ăn xa không đảm bảo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cần giao con chung Nguyễn Quốc B, Sinh ngày: 18/06/2021 cho ông Nguyễn

Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà Mai Thị Y được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Mai Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Kim N không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Y.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Y được ly hôn ông Nguyễn Kim N.

Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Quốc B, Sinh ngày: 18/06/2021 cho ông Nguyễn Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà Mai Thị Y được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Mai Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Mai Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]*Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Mai Thị Y phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà U đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0013529 ngày 16/9/2024. Ông Nguyễn Kim N không phải chịu án phí HNGĐST.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã EaTu
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nguyệt